

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2025
“V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kiều Oanh
Ông Lê Văn Thới
- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.
- Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024, về việc: “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn:** Anh **Phan Trường Duy T**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin vắng mặt)
- Bị đơn:** Chị **Lưu Ngọc X**, sinh năm 1996. Nơi cư trú: số nhà D, đường T, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2024, cùng các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phan Trường Duy T trình bày:

- Về hôn nhân: anh T và chị Lưu Ngọc X xây dựng hôn nhân vào năm 2021 do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại T1 tại O, Nhật Bản. Sau khi kết hôn, anh T và chị X sinh sống tại Nhật Bản, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng hiện tại vợ chồng không còn tình cảm như ban đầu, không tin tưởng nhau, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, anh T, chị X đã trở về Việt Nam sinh sống, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lưu Ngọc X thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của anh T như trên, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xử vắng mặt và bảo lưu các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 của BLTTDS; Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Trường Duy T. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị X; con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; án phí sơ thẩm: anh T phải nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị X. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị X tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại T1 tại O, Nhật Bản vào ngày 03/03/2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng hiện nay không còn tình cảm, không tin tưởng nhau, anh T và chị X xác định đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại anh T, chị X đã trở về Việt Nam sinh sống và thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Căn cứ văn bản số: 1901/UBND-VX ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long phúc đáp: Qua kết quả rà soát, tra cứu hồ sơ hộ tịch tại huyện từ năm 2021 đến nay, hiện không có ghi chú hộ tịch giữa ông Phan Trường Duy T và bà Lưu Ngọc X. Và tại Văn bản số 6308/UBND-NC ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long có ý kiến như sau: Qua tra cứu sổ bộ ghi chú kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân thành phố V từ ngày 01/01/2016 đến nay không có tên ông Phan Trường Duy T, sinh năm 1994 và bà Lưu Ngọc X, sinh năm 1996.

Căn cứ quy định tại Điều 48 của Luật Hộ tịch; Điều 15 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-BNG-BTP ngày 30/6/2016 của Bộ N, Bộ tư pháp Hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài và khoản 2 Điều 32, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định "...Giấy chứng nhận kết hôn có giá trị kể từ ngày được ghi vào sổ...". Mặc dù anh T và chị X có đăng ký kết hôn tại T1 tại O, Nhật Bản vào ngày 03/3/2021 nhưng anh chị không thực hiện thủ tục ghi chú vào sổ hộ tịch việc kết hôn theo quy định như viện dẫn trên nên hôn nhân giữa anh T và chị X là hôn nhân không hợp pháp. Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị X là phù hợp với Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị X xác định không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007452 ngày 20/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, anh T đã nộp đủ án phí.

Như phân tích trên, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 của Luật Hộ tịch năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Trường Duy T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Trường Duy T với chị Lưu Ngọc X.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị X không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: anh Phan Trường Duy T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007452 ngày 20/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, anh T đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- CCTHADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Mỹ Thuận

